

LUẬN BÀN VỀ SẮC PHONG THỜI NGUYỄN

DISCUSSING OF THE NGUYEN DYNASTY'S ORDINATION

*Điền Thị Hoa Hồng**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 01/07/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 01/01/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/01/2023

Tóm tắt: Các triều đại phong kiến Việt Nam đã trải qua hàng trăm năm, với những thể chế, văn kiện và nghệ thuật phát triển. Sắc phong là một loại văn kiện chính thống của các nhà nước phong kiến, nó truyền tải đầy đủ và sâu sắc niên đại, văn phong, ngôn ngữ và cả thẩm mỹ của từng thời kỳ một cách rõ ràng và sâu sắc. Việc nghiên cứu, phân tích tính thẩm mỹ, tính mỹ thuật trên từng sắc phong là cách để chúng ta hiểu thêm về vốn mỹ thuật của giai đoạn lịch sử đó. Sắc phong thời Nguyễn là một nguồn tư liệu quý giá và hiện nay còn lưu lại có số lượng tương đối lớn. Với lối bố trí khoa học, chỉnh chu mỗi một bản sắc phong thể hiện rất rõ quan điểm thẩm mỹ về nghệ thuật của từng triều đại nhà Nguyễn. Trong bài viết, tác giả chủ yếu bàn luận về nghệ thuật trang trí, sắp đặt bố cục trong sắc phong để làm rõ hơn về quan điểm về thẩm mỹ nghệ thuật lúc bấy giờ.

Từ khóa: Nghệ thuật trang trí sắc phong triều Nguyễn.

Abstract: Vietnam's feudal dynasties have gone through hundreds of years with developed institutions, documents and arts. The ordinance is an orthodox document of feudal states; it fully and deeply conveys each period's chronology, style, language, and aesthetics.. The study and analysis of each style's aesthetic and artistic qualities is a wayfor us to understand more about the artistic capital of that historical period. The Nguyen Dynasty is a valuable resource and now remains in a relatively large number. With a scientificlayout, each style clearly shows the aesthetic point of view of the art of each Nguyen Dynasty.In the article, the author mainly discusses decorative art and arranges the layout in style to clarify the point of view on artistic aesthetics at that time.

Keywords: The art of decorating Ordination's Nguyen dynasty.

I. Dẫn nhập

Triều nhà Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, đã tồn tại hơn 143 năm (1802 – 1945) với 13 đời vua: Gia

Long (1802 – 1819), Minh Mệnh (1802 – 1840), Thiệu Trị (1841 – 1847), Tự Đức (1848 – 1883), Dục Đức (1883), Hiệp Hòa (1883), Kiến Phúc (1883 – 1884), Hàm

* Khoa Tạo Dáng Công Nghiệp

Nghi (1885 – 1888), Đồng Khánh (1886 – 1888), Thành Thái (1889 – 1907), Duy Tân (1907 – 1916), Khải Định (1916 – 1925), Bảo Đại (1926 - 1945). Tên các đời vua cũng là tên niên hiệu được ghi trên sắc phong. Hiện nay, đối với bốn vị vua có niên hiệu Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Hàm Nghi chưa gặp trên sắc phong thân. Trải qua mỗi một giai đoạn sắc phong của từng thời đại cũng có những thay đổi và cải biến.

Sắc phong truyền tải lại cho hậu thế các tư liệu quý giá và trung thực về tên, tuổi và công lao của một số nhân vật lịch sử như què quán, công trạng và xếp hạng phù hợp (thượng, trung, hạ đẳng thần), biểu thị sự tôn vinh của vương triều và cộng đồng cư dân với vị thần đó; nó chứa đựng một số thông tin có thể bổ sung thêm lịch sử và là một nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu các tín ngưỡng dân gian. Qua sắc phong người ta có thể biết thêm những thông tin về hệ thống hành chính với những địa danh và đơn vị hành chính mang niên đại cụ thể. Có thể nói, sắc phong là một di sản quý của dân tộc và là nguồn tư liệu quý hiếm để nghiên cứu về thể chế của các triều đại nhà nước phong kiến; vì thế cần được bảo vệ và nghiên cứu hơn nữa để phát huy và bảo tồn của lịch sử văn hóa Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài báo sử dụng Thuyết Biểu tượng làm cơ sở lý thuyết nghiên cứu chính. Theo từ điển bách khoa Việt Nam, biểu tượng có nghĩa là phương tiện sáng tạo nghệ thuật sang trù tượng. Có thể nhận định, vai trò của việc giải mã biểu tượng trên sắc phong triều Nguyễn mang nhiều ý nghĩa; không chỉ thể hiện được tư tưởng

của một triều đại mà còn thể hiện những giá trị thẩm mỹ cung đình của một thời kì. Việc vận dụng thuyết biểu tượng là cơ sở khoa học để tác giả tìm hiểu về ý nghĩa và biểu trưng của các kiểu thức trang trí trên sắc phong triều Nguyễn; từ đó đưa ra những bàn luận về nghệ thuật trang trí trên sắc phong lúc bấy giờ.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp so sánh chứng thực lịch sử: đây là phương pháp hữu hiệu cho việc triển khai nghiên cứu đối tượng. Phương pháp này giúp tác giả có thể nhìn nhận về nguồn gốc và quá trình hình thành các yếu tố trang trí trên sắc phong triều Nguyễn; đồng thời phân tích thông qua so sánh đối chiếu sắc phong giữa các vị vua đồng đại từ đó đưa ra những nhận định về nghệ thuật trang trí trên sắc phong triều Nguyễn.

IV. Kết quả và thảo luận

- *Sắc phong là gì?*

Theo như cuốn “*Sắc phong triều Nguyễn ở Thừa Thiên Huế*” có viết “*Sắc phong là loại hình hành chính cấp cao của vương quyền do hoàng đế ban bố và thưởng cấp cho thân dân trăm họ, nhằm để phong tặng, tưởng thưởng về hàm tước, quan vị, vật hạng, thần hiệu, mi tự...*” Thuật ngữ “Sắc phong” vẫn có sự thay đổi qua các thời kì, hiện nay việc nhận định về nội hàm của thuật ngữ này vẫn chưa có được một khái quát.

Tuy nhiên, có thể hiểu rằng sắc phong là một loại văn bản do nhà vua ban để phong chức tước cho quý tộc, quan chức; khen thưởng những người có công hoặc phong thần cho các vị thần được thờ trong các đình, đền thuộc làng xã người

Việt. Có thể nói rằng, sắc phong là những văn bản gốc có niên đại tuyệt đối đến tận ngày, tháng, năm. Chẳng hạn như “ Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật” dịch là ngày hai mươi lăm, tháng bảy năm Khải Định thứ chín, tức là năm 1924, dưới triều vua Khải Định Thời Nguyễn. Với niên đại tuyệt đối chính xác và đáng tin cậy cho phép chúng ta có thể phần nào khẳng định rõ ràng về phong cách nghệ thuật, văn phong,... của từng thời kì, từng giai đoạn của triều Nguyễn theo từng đạo sắc cụ thể.

- *Phân loại:*

Sắc phong triều Nguyễn về cơ bản có hai loại:

Loại thứ nhất, Sắc phong nhân vật (cách gọi chung cho các thể loại cáo mệnh 誥命 (hay còn gọi chế phong 制封), sắc mệnh 敕命, tích phong 錫封, Phong tặng 封贈 [ban tên Thụy]...) và sắc phong thần kỳ (thiên thần, nhiên thần, nhân thần). Sắc phong nhân vật là loại hình văn bản hành chính do Hoàng đế ban phong về phẩm hàm, tước vị... cho các quan lại của triều đình, thăng thưởng hàm tước, ban tặng hoặc truy tặng thụy hiệu cho ông bà cha mẹ của những quan viên có công trạng... Loại hình văn bản này là bảo vật giá trị, do các gia đình dòng tộc lưu trữ khá kỹ càng.

Loại thứ hai là Sắc phong thần. Đây là sắc phong do nhà vua phong tặng và xếp hạng cho các vị thần linh được thờ tự trong các đình làng (Thành hoàng làng). Sắc phong thần linh là một loại hình tư liệu quý của làng xã, gắn liền với lịch sử và đời sống tâm linh của nhân dân. Loại sắc phong này thường thấy phổ biến hiện nay. Các vị thần được phong tặng có thể là nhân vật lịch sử có công với nước, được

gọi là nhân thần và các thần linh trong tín ngưỡng dân gian như nhân vật huyền thoại, vật linh thiêng hoặc một số hiện tượng thiên nhiên. Nhân vật trên sắc phong thần cũng có thể là những người dân bình thường nhưng có công khai hoang lập ấp, truyền dạy nghề thủ công hoặc có công đức với cộng đồng, gắn liền với lịch sử làng xã. Đối với loại sắc phong này, vào thời nhà Nguyễn sắc phong các vị thần được phân làm 03 loại rõ rệt: Thượng, Trung và Hạ đẳng thần. Điều này được thể hiện rõ thông qua các hoa văn, bố cục trang trí trên các sắc phong hiện nay còn lưu giữ. Các vị thần thờ tự trong cộng đồng làng xã có thể được ban tặng nhiều đạo sắc phong khác nhau, gắn với các đời vua ở mỗi triều đại. Cùng một vị thần được thờ trong làng, các đời vua nối tiếp có thể giaphong sắc thần, cho địa phương tiếp tục được thờ phụng với những mỹ tự mới, gọi là gia tặng phẩm trật cho thần. Cũng có trường hợp đời vua sau hạ phẩm trật của thần so với đời vua trước, thậm chí vì lý do đặc biệt nào đó, không cho tiếp tục được thờ phụng. Trường hợp này không nhiều. Một trong những đặc điểm văn bản quan trọng giúp cho độc giả phân biệt rõ ràng về sắc phong thần của triều Nguyễn so với các triều đại trước (như Hậu Lê, Tây Sơn) là hệ thống mỹ tự ở sắc phong thần triều Nguyễn tương đối ngắn gọn, phân tách rạch ròi, chữ thần hiệu và mỹ tự không quá dài, có phần “*lạm phong*” và nhiều mỹ tự bị trùng lặp như các triều đại trước.

- *Kết cấu của sắc phong:*

Sắc phong có tính độc bản, được ban cấp vào một thời điểm (ngày tháng năm cụ thể) nên nội dung sắc phong tính chính xác gần như tuyệt đối. Mỗi một sắc phong (cáo mệnh, sắc mệnh) của nhà vua

ban cấp cho các vị quan lại có công trạng chính là sự ghi công, sự khẳng định của vương triều đối với nhân vật được ban thưởng. Trong suốt cuộc đời làm quan của mình, không phải ai cũng được Hoàng đế ban phong, thưởng cấp vinh danh tên tuổi, nên nhân vật nào được phong tặng cáo mệnh, sắc mệnh thì không chỉ con cháu, họ hàng được tự hào, mà thậm chí làng xã quê hương, hoặc nơi quan viên đó sinh sống cũng thom danh. Đó chính là nguồn tư liệu chính thức đầy hiển hách, giúp khẳng định vị thế của mỗi danh nhân, dòng tộc đối với quê hương, đất nước. Với thần linh, việc được ban cấp sắc phong, tặng thưởng mỹ tự hoặc vinh danh và cho nhập vào điển chế thờ tự của các vương triều... thể hiện rõ vị thế, vai trò của các vị thần linh đối với đất nước, với làng xã. Thần linh trên toàn cõi được ban cấp sắc phong phổ biến từ triều vua Minh Mạng đến vua Khải Định (1820- 1925).

Thông thường, mỗi đạo sắc phong gồm những nội dung: Địa chỉ thờ thần (thôn, xã, phủ, huyện, tỉnh); Tên gọi của thần (thần hiệu, huy hiệu, duệ hiệu, mỹ tự); Lý do thần được sắc phong hoặc nâng cấp phẩm trật (trung đẳng thần, thượng đẳng thần...); Trách nhiệm của thần đối với dân sở tại (che chở bảo hộ cho dân); Trách nhiệm của dân đối với thần (tôn kính, thờ cúng thần); Ngày tháng năm ban sắc (thuộc đời vua nào).

Sắc phong cho cá nhân và gia tộc có đóng góp nhiều công trạng cho đất nước cũng được kết cấu tương đối giống sắc phong cho thần thánh. Riêng các nội dung về thành tích, công trạng, được ghi cụ thể, tỉ mỉ hơn. Phần khen thưởng bằng vật chất thường cũng được liệt kê thể hiện trong sắc phong.

- *Chất liệu:*

Đối với sắc phong nhân vật (cáo mệnh, sắc mệnh) là loại hình khá đa dạng về chất liệu, vật liệu. Tùy theo từng triều vua và từng phẩm hàm cấp bậc, vị thế của nhân vật được ban thưởng mà chúng ta sẽ thấy có nhiều chất liệu và sắc khác nhau. Chẳng hạn: “*về cáo mệnh: tứ phẩm trở lên dùng bằng tơ chín 5 [ngũ] sắc, ngũ phẩm dùng 3 [tam] sắc, sắc mệnh dùng thứ lụa trắng, nhất phẩm dùng trục bằng ngọc, mặt gấm dệt con hạc, nhị phẩm trục bằng sừng con tê, mặt gấm dệt con long, tam tứ phẩm trục bịt vàng, ngũ phẩm trục bằng sừng, đều mặt gấm hoa, lục phẩm trở xuống trục cũng thế, ngũ phẩm mặt hoa gấm những chùm nhỏ...*”... “*giấy cáo sắc (đều dùng thứ giấy vàng tươi) do cùng thước quan bằng gỗ: Quan nhất, nhị, tam phẩm, dùng thứ giấy rắc vàng hạng nhất, cao 1 thước 4 tấc, dài 4 thước 5 tấc, mặt vẽ rồng to mây kín, rồng nhiều 4 mặt, mặt sau vẽ tứ linh. Quan tứ, ngũ phẩm, dùng giấy rắc vàng hạng nhì, cao 1 thước 3 tấc, dài 4 thước, mặt giấy vẽ rồng to mây kín, giao long chung quanh, sau lưng vẽ lân phượng. Quan lục, thất phẩm dùng giấy rắc bạc hạng nhất, cao 1 thước 2 tấc, dài 3 thước 5 tấc, mặt vẽ rồng to mây thưa, 4 bên vẽ hoi vãn, mặt sau vẽ tranh cổ đồ. Quan bát cửu phẩm, dùng giấy rắc bạc hạng nhì, cao 1 thước 2 tấc, dài 3 thước 5 tấc, mặt vẽ rồng to mây thưa, 4 chung quanh vẽ hoi vãn, mặt sau vẽ cổ đồ...*” (Theo *Nội Các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Sđd, tr.47-49).

Theo đó, có thể nhận định rằng sắc phong thường được làm bằng loại giấy dó đặc biệt gọi là “giấy sắc”. Giấy sắc là một sản phẩm mang tính đặc thù của nghề làm giấy truyền thống Việt Nam, một sản phẩm kết tinh của thành tựu kỹ thuật cổ truyền

với phương pháp thủ công tinh xảo và óc thẩm mỹ, sáng tạo của nghệ nhân. Nguyên liệu chính để làm giấy sắc là cây dó Thao (loại dó được trồng ở vùng đất Lâm Thao - Phú Thọ). Giấy có nhiều khổ to nhỏ khác nhau, được trang trí những họa tiết mặt trước vẽ rồng mây, xung quanh viền truyền chỉ hay đóng triện tiền, mặt sau vẽ Tứ linh Long, Ly, Quy, Phượng, bầu rượu, cuốn thư, phù hợp với từng loại sắc phong và đặc trưng của mỗi thời kỳ, giai đoạn lịch sử các triều đại nhà Nguyễn.

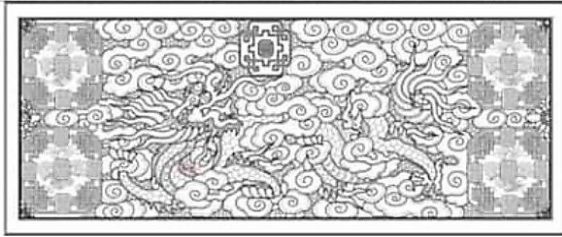
Giấy sắc được sản xuất theo một quy trình đặc biệt, đảm bảo giấy có sức chịu đựng lâu dài, có thể tới ba, bốn trăm năm nếu bảo quản tốt. Tờ giấy đàn mà mềm, không hút ẩm, không giòn khô, khó xé thành các mảnh nhỏ và rất ăn mực khi viết, vẽ.

Nghề làm giấy sắc là nghề gia truyền của dòng họ Lại ở làng Nghĩa Đô (tục gọi làng Nghè), nay là thôn Trung Nha, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tổ nghề giấy sắc làng Nghĩa Đô là cụ Lại Thế Giáp, con rể của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (1577 – 1657). Theo gia phả họ Lại, Tổ Thế Giáp lấy bà Phi Diệm Châu, con gái chúa Trịnh Tráng. Bấy giờ thấy họ nhà chồng nghèo, Phi Diệm Châu đã tâu xin chúa Cha và vua Lê cho họ Lại làm giấy sắc, chuyên cung cấp cho triều đình. Cụ Lại Thế Giáp cùng con cháu là những người sáng nghiệp làm giấy sắc cho nhà vua, được nhà vua ban cho họ độc quyền làm giấy sắc vàng và ban cho tên gọi họ Kim Tiên.

Cùng với sự biến thiên của thời gian và lịch sử, hiện nay nghề làm giấy sắc hầu như đã mai một, nên việc bảo tồn sắc phong cũng là một cách bảo tồn rất hữu hiệu những chứng tích cụ thể của nghề thủ công cổ truyền này.

- Về nghệ thuật trang trí trên sắc phong:

Nghệ thuật trang trí sắc phong mang đậm dấu ấn lịch sử của từng thời đại, từng giai đoạn mà nó thể hiện, thời Nguyễn sắc phong cũng dựa trên đề án hoa văn để phân loại sắc phong. Bố cục, hoa văn, họa tiết trang trí, màu sắc đa dạng và phong phú. Về bố cục trên sắc phong thời Nguyễn có những quy cách trình bày và bố cục rất chặt chẽ theo từng phân cấp của sắc phong. Lối bố cục chính theo hình thức đăng đối và cân đối với tỉ lệ được phân chia ngay ngắn, cân xứng tạo cho sắc phong cảm giác uy nghiêm của thiện tử. Chẳng hạn như trên sắc phong thần bậc Thượng đẳng thần, xuất hiện rất rõ hình ảnh rồng là chủ thể chính ẩn hiện trong chân mây. Hình ảnh rồng được vẽ theo một lối vẽ thống nhất và phân chia trải đều chiếm 2/3 bố cục, phần đầu rồng được đặc tả kĩ lưỡng trở thành điểm nhấn của sắc phong và được khéo léo kéo lại trên thế bố cục trên sắc phong bằng sự đối sánh qua trục là hình ảnh đuôi rồng với họa tiết vẽ xoắn ốc. Những điều này giúp bố cục sắc phong trở nên cân bằng và hài hòa. Và sự khéo léo của việc hình ảnh chiếc lồng đèn hướng đồng rồng lên trên kéo dẫn điều hình. Nhịp điệu của sắc phong trở nên sinh động, hình ảnh con rồng như đang chuyển động cuộn mình trong những đám mây. Hình chân mây được sắp xếp theo tính chất hàng lối, có lớp trên dưới xen kẽ tạo được chiều sâu không gian bố cục. Tổng thể bố mặt trong chính diện của sắc phong này được sắp xếp chính theo lối cân xứng, tạo được sự hài hòa trong tổng thể. Hình ảnh bốn chiếc lồng đèn được dàn đều sang hai bên là khoảng nghỉ cho bố cục.



Hình 1.1 – Bản vẽ mặt trước của sắc phong niên hiệu Tự Đức năm thứ 3.
(Nguồn ảnh: Nguyễn Doãn Minh)

Nếu mặt trước của sắc phong là bố cục sắp xếp đầy đặn thì mặt sau là bố cục được sắp xếp trở nên thoáng đãng và có tính giản lược hơn rất nhiều. Sử dụng bố cục đăng đối, đối xứng qua bốn trục với hình long, lân quy, phụng (tứ linh). Tâm của sắc phong là hai chữ Thọ đặt lệch nhịp và bốn góc được đặt bốn chữ Thọ ngay ngắn. Hình ảnh mây, núi được đan xen khéo léo nhưng không hề lạm dụng, mang lại cảm giác vận động mềm mại, tự nhiên.



Hình 1.2 – Bản vẽ mặt sau của sắc phong niên hiệu Tự Đức năm thứ 3.
(Nguồn ảnh: Nguyễn Doãn Minh)

Một dạng bố cục thứ hai có sự giản lược hơn trong việc sắp xếp không gian nền. Thay vì sự đan xem với mật độ dày như ở sắc phong thượng đẳng thần thì sắc phong Trung đẳng thần có sự thoáng đãng, bớt hoa lệ hơn trong việc bố cục và tạo chiều sâu không gian. Điều đó, có thể thấy qua sắc phong thời Minh Mệnh năm thứ 3 hay bản sắc phong dành cho Tôn thân/chi thần niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 4. Không gian nền của sắc phong có sự giản lược rất

nhều. Bộ cục vẫn ở thế trung tâm là hình rồng cuộn mây nhưng chi tiết mây có sự giảm bớt và chi điểm tuyệt để nhấn mạnh sự chuyển động của tâm điểm là hình rồng. Những chấm tròn được dàn đều với khoảng cách hợp lý giúp tâm điểm nổi bật, đơn giản nhưng vẫn uy vũ.









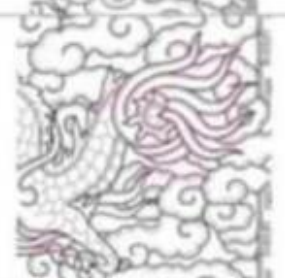





Hình 2.1 – Mặt trước đạo sắc phong có niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 4.
(Nguồn ảnh: Nguyễn Doãn Minh)

Có thể nhận thấy, do sắc phong là văn bản đại diện cho vua, thể hiện uy phong của “thiên tử”, vì thế mà các dạng bố cục trên sắc phong là các dạng bố cục chính thể theo hướng đăng đối, cân đối, đối xứng. Với bố cục cân bằng đối xứng, khối lượng thị giác trong hình ảnh được phân bố đều giữa hai bên của trục đối xứng. Sự đối xứng này là loại cân bằng đơn giản và rõ ràng nhất. Nó tạo ra một cảm giác an toàn, ổn định và đồng nhất. Có hai cách để đạt được sự cân bằng đối xứng: “đối xứng thuần túy” hoặc “đối xứng tương đối”. Trong đối xứng thuần túy, các yếu tố giống hệt nhau sẽ được sắp xếp đều sang hai bên của trục đối xứng giống như hai mặt gương. Sự đối xứng thuần túy có chỗ đứng riêng trong nghệ thuật, tuy nhiên sự lặp đi lặp lại của kiểu bố cục này thường đem lại cảm giác đồng điệu và không thú vị. Nhưng ở đây, trong bố cục sắc phong thời Nguyễn lại sử dụng bố cục đối xứng tương đối. Đây là điểm nổi bật và ấn tượng trong cách trình bày và bố trí trang

trí trên sắc phong. Bộ cục đối xứng tương đối giúp các bộ cục chỉ giữ nguyên một phần tương đồng để tạo cân bằng cho thị giác, nhưng vẫn có những điểm lệch tạo

sự chuyển động trong bộ cục, Chính vì vậy, dù bộ cục trên sắc phong đơn thuần nhưng vẫn mang lại cảm giác sinh động nhưng vẫn bình ổn và uy nghiêm.

Niên hiệu	Đầu	Thân	Đuôi
Thiệu Trị 2			
Tự Đức 3			
Khải Định 9			
			

Bảng so sánh hình trong trên sắc phong triều Nguyễn

(Nguồn: Nguyễn Doãn Minh)

Về họa tiết được sử dụng trong trang trí, do sắc phong gắn liền với uy nghiêm của thiên tử, tôn nghiêm của Hoàng quyền, cho nên việc các họa tiết được sử dụng để trang trí trên sắc phong thường sử dụng các họa tiết chính như hình hoa văn liên đăng, hình rồng, hình ngọc tròn lan tỏa, hình tứ linh (long, lân, quy, phụng), hình chữ vạn, hình liên vân... Mỗi một đồ án hoa văn đều mang những ý nghĩa biểu tượng riêng về quan niệm thẩm mỹ, mỹ thuật từng giai đoạn lịch sử suốt 143 năm

tồn tại của triều Nguyễn. Điển hình như hình tượng con rồng. Con rồng biểu trưng cho hoàng đế, cho uy quyền tối thượng. Mỗi một đạo sắc phong qua mỗi thời kì lại có những biến đổi khác biệt. Hình tượng rồng trên sắc phong thời Nguyễn mang một sắc thái hoàn toàn khác với rồng thời Lê. Nếu rồng thời Lê thường thể hiện đầu rồng to, bờm lớn ngược ra sau, mào lửa mát hẵn, thay vào đó là một chiếc mũi to. Mép trên của miệng rồng vẫn kéo dài nhưng được vuốt gần như thẳng ra, bao

quanh có một hàng vải rặng thưa kết lại như hình chiếc lá. Rặng nanh cũng được kéo dài lên phía trên và uốn xoắn thừng ở gốc. Trên lông mày và chiếc sừng hai chạc, đầu sừng cuộn tròn lại. Rồng có râu ngắn và một chân trước thường đưa lên đỡ râu, cổ rồng thường nhỏ hơn thân. Thi ở trên sắc phong thời Nguyễn con rồng có phần uy nghiêm, mạnh mẽ hơn. Rồng thường được in, vẽ với nhiều tư thế khác nhau như: ẩn mình trong đám mây, hoặc ngậm chữ thọ, hai rồng châu mặt trời, châu hoa cúc, châu chữ thọ... Phần lớn mình rồng không dài ngoằn mà uốn lượn vài lần với độ cong lớn. Đầu rồng to, sừng giống sừng hươu chĩa ngược ra sau. Mắt rồng lộ to, mũi sư tử, miệng há lộ răng nanh. Vây trên lưng rồng có tia, phân bố dài ngắn đều đặn. Râu rồng uốn sóng từ dưới mắt chĩa ra cân xứng hai bên. Mỗi một triều đại, hay trên từng loại sắc phong thì hình ảnh rồng lại có những biến đổi khác nhau, có thể thấy điều đó thông qua đường nét tạo hình rồng ở đầu, thân hay xoáy đuôi.

V. Kết luận

Nhìn chung, sắc phong là nguồn tư liệu quý báu lưu lại những giá trị về mặt văn hóa, lịch sử cũng như mỹ thuật của từng thời kì và giai đoạn nhất định. Đối với sắc phong triều Nguyễn, hiện nay vẫn còn lưu giữ được rất nhiều hiện vật đã góp phần tái hiện được phần nào giúp chúng ta tiếp cận gần hơn với lịch sử. Qua sắc phong chúng ta có thể biết thêm những thông tin về hệ thống hành chính với những địa danh và đơn vị hành chính mang niên đại cụ thể. Đây là một loại cổ vật rất giá trị do có tính độc bản và là một nguồn tư liệu có giá trị về nhiều phương diện. Các sắc phong thần còn phản ánh quyền uy tối thượng của Nhà Vua, nó

thể hiện rằng nhà vua là con trời xuống dân gian để cai quản con dân nên không chỉ trị vì muôn dân trong thế giới trần tục mà còn cai quản cả thế giới thần linh, kết hợp với các tín ngưỡng và đời sống tâm linh. Sự chính xác, tỉ mỉ trên mỗi đạo sắc phong từ niên đại đến văn phong, thẩm mỹ nghệ thuật... là nguồn tư liệu cổ quý giá thể hiện được văn hóa, nghệ thuật trong suốt 143 năm (13 triều đại) tồn tại và phát triển của triều Nguyễn. Với lối bố cục cân đối, cân bằng đối xứng cùng các họa tiết được vẽ, in một cách kĩ lưỡng, sắc sảo và tinh tế... cách thức trang trí trên sắc phong thể hiện được uy quyền của hoàng quyền, uy nghiêm của hoàng quyền. của tầng lớp thống trị phong kiến.

Tài liệu tham khảo:

1. Nhiều tác giả, “*Sắc phong triều Nguyễn trên địa bàn Thừa Thiên Huế*”, NXB Thuận Hòa.
2. Tôn Thất Thọ, “*Tìm hiểu thêm về sắc phong triều Nguyễn*”, Tạp chí Xưa và Nay, số 499.
3. Nguyễn Đức Dũng, “*Mấy suy nghĩ ban đầu về di sản văn hóa Sắc phong*”, Tạp chí Di sản văn hóa, Tr102.
4. Đinh Thanh Hiếu (2018), “*Định chế và mô thức phong thần triều Nguyễn*”, Tạp chí nghiên cứu Hán Nôm số 1 (146), Tr 53-64.
5. Nguyễn Xuân Diện, “*Một số vấn đề về sắc phong*”, tạp chí Văn hóa Dân gian, số 5 (89,2003), Tr 74-77.

**Địa chỉ tác giả: Khoa Tạo dáng công nghiệp,
Trường Đại học Mở Hà Nội**

Email: dthhong_tdcn@hou.edu.vn

